BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG & BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 24/2024/TT-BTC

Tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

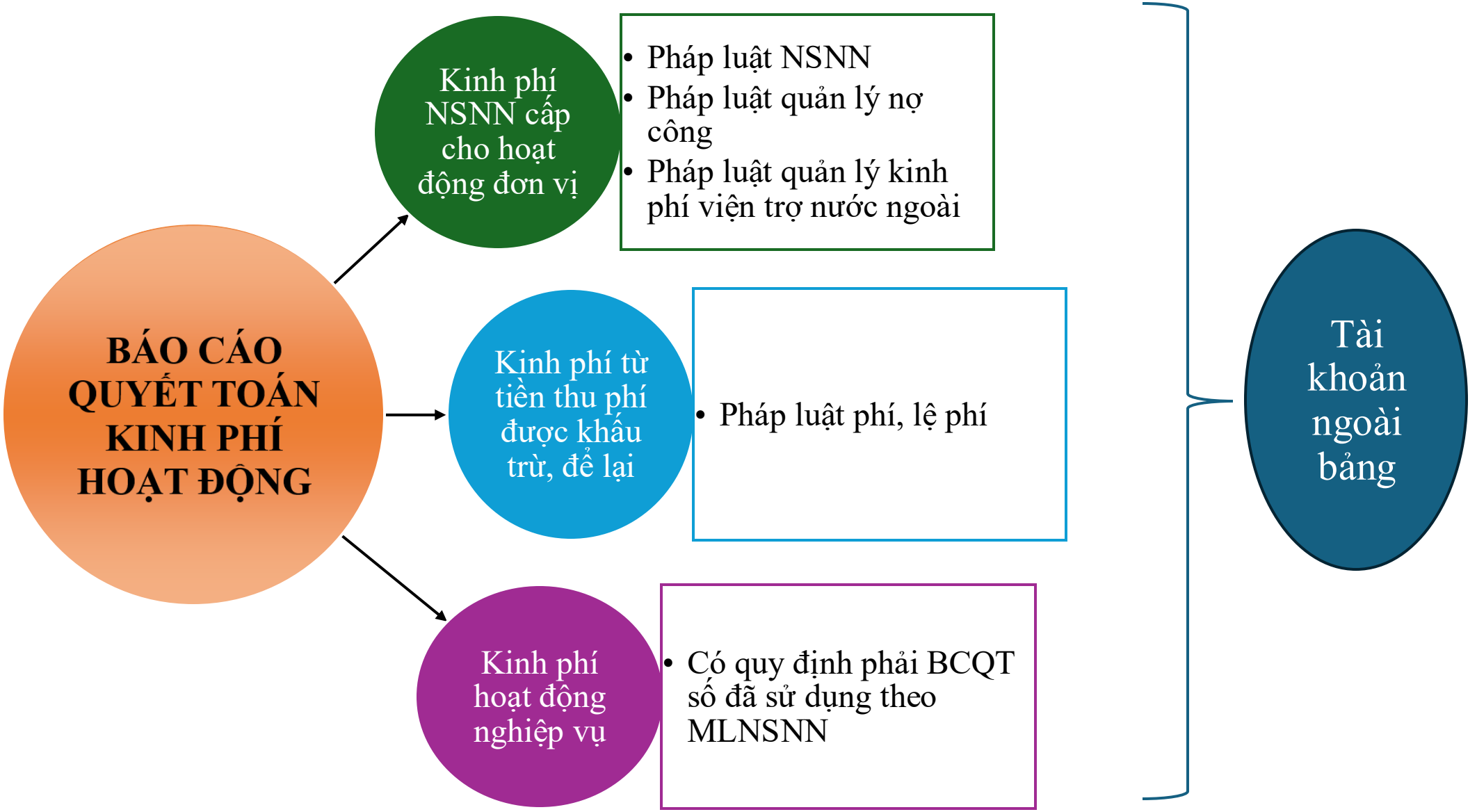
BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG
Kinh phí NSNN cấp cho hoạt động đơn vị
Pháp luật NSNN
Pháp luật quản lý nợ công
Pháp luật quản lý kinh phí viện trợ nước ngoài
Kinh phí từ tiền thu phí được khấu trừ, để lại
Pháp luật phí, lệ phí
Kinh phí hoạt động nghiệp vụ
Có quy định phải BCQT số đã sử dụng theo MLNSNN
Tài khoản ngoài bảng

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Kế thừa các quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC

Điều chỉnh để quy định rõ hơn cho một số tình huống

- TH đơn vị thuộc NS cấp trên được NS cấp dưới hỗ trợ KP
- TH đơn vị sử dụng kinh phí ủy quyền của NS cấp trên
- Quy định rõ hơn về thời điểm chốt số liệu báo cáo
- ….

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

B01/BCQT- Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động, gồm 2 phụ biểu:

- F01-01/BCQT- Báo cáo chi tiết chi theo mục lục ngân sách
- F01-02/BCQT- Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án

B02/BCQT- Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính,…

B03/BCQT- Thuyết minh báo cáo quyết toán

Mẫu biểu tương tự Thông tư số 107/2017/TT-BTC

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung liên quan đến quyết toán nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài

Bổ sung một số chỉ tiêu quyết toán phí được khấu trừ để lại, kinh phí hoạt động nghiệp vụ

Một số thay đổi, điều chỉnh khác:

./ Bỏ nội dung về chương trình mục tiêu do hiện nay ko còn CTMT, chỉ còn CTMT quốc gia

./ Bổ sung nội dung liên quan đến thực hiện kiến nghị của cơ quan cấp trên tại mẫu B02/BCQT

./ Sử dụng thống nhất khái niệm để phù hợp với cơ chế tài chính

./ …

Các thay đổi này được xây dựng để đảm bảo yêu cầu, mục đích quyết toán theo quy định pháp luật hiện hành và thực tế triển khai

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Số liệu báo cáo năm trước

Sổ kế toán chi tiết TK 005, 006, 007, 008, 011, 012, 013

- Sổ KT chi tiết có liên quan
- Tài liệu khác có liên quan

Nguồn NSNN:
- NSNN trong nước: TK 005, 008, 011 **(S101-H, S104-H)**
- Viện trợ: TK 007 **(S102-H)**
- Vay nợ nước ngoài: TK 006 **(S103-H)**

Nguồn phí được khấu trừ, để lại: TK 012 **(S105-H)**

Nguồn kinh phí hoạt động nghiệp vụ: TK 013 **(S106-H)**

Số liệu báo cáo căn cứ số liệu đã ghi sổ kế toán

Sau khi đã được phê duyệt quyết toán, đơn vị phải đối chiếu thông tin, số liệu ghi sổ kế toán phù hợp và khớp đúng với thông tin, số liệu trên Thông báo phê duyệt quyết toán

QUYẾT TOÁN NGUỒN NSNN TRONG NƯỚC

TT	CHỈ TIÊU	MS
…	…	…
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC THUỘC NGÂN SÁCH CẤP…**	
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang**	101
1.1	*Kinh phí được giao tự chủ*	102
	…	…
1.2	*Kinh phí không được giao tự chủ*	105
	…	…
2	**Dự toán được giao trong năm**	108
	- Kinh phí được giao tự chủ	109
	- Kinh phí không được giao tự chủ	110
3	**Tổng số được sử dụng trong năm**	111
	- Kinh phí được giao tự chủ	112
	- Kinh phí không được giao tự chủ	113
4	**Kinh phí thực nhận trong năm**	114
	- Kinh phí được giao tự chủ	115
	- Kinh phí không được giao tự chủ	116

TT	CHỈ TIÊU	MS
5	**Kinh phí đề nghị quyết toán**	117
	- Kinh phí được giao tự chủ	118
	- Kinh phí không được giao tự chủ	119
6	**Kinh phí giảm trong năm**	120
6.1	*Kinh phí được giao tự chủ*	121
	…	…
6.2	*Kinh phí không được giao tự chủ*	125
	…	…
7	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán**	129
7.1	*Kinh phí được giao tự chủ*	130
	…	…
7.2	*Kinh phí không được giao tự chủ*	133
	…	…

QUYẾT TOÁN NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ

TT	CHỈ TIÊU	MS
…	…	…
II	**NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ**	
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang**	136
1.1	Số dư kinh phí năm trước đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang	137
1.2	Số dư kinh phí năm trước đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang	138
2	**Dự toán được giao trong năm**	139
3	**Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm**	140
3.1	Số đã ghi thu, ghi chi	141
3.2	Số chưa thực hiện ghi thu, ghi chi	142
4	**Kinh phí được sử dụng trong năm**	143
5	**Kinh phí đề nghị quyết toán**	144
6	**Kinh phí giảm trong năm**	145
7	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán**	146
7.1	Số dư kinh phí đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang năm sau	147
7.2	Số dư kinh phí đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang năm sau	148

QUYẾT TOÁN NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI

TT	CHỈ TIÊU	MS
…	…	…
III	**NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI**	
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang**	149
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	150
	- Số dư dự toán	151
2	**Dự toán được giao trong năm**	152
3	**Tổng số được sử dụng trong năm**	153
4	**Tổng kinh phí từ nguồn vay đã nhận trong năm**	154
	- Số đã hạch toán tạm ứng NSNN	155
	- Số đã hạch toán ghi chi NSNN	156
5	**Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán**	157
6	**Kinh phí giảm trong năm**	158
	- Đã nộp NSNN	159
	- Còn phải nộp NSNN	160
	- Dự toán bị hủy	161
7	**Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán**	162
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	163
	- Số dư dự toán	164
8	**Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN**	165

QUYẾT TOÁN NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI

TT	CHỈ TIÊU	MS
…	…	…
	B. NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI	
1	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang**	166
	- KP được giao tự chủ	167
	- KP không được giao tự chủ	168
	- KP chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi	169
2	**Dự toán được giao trong năm**	170
	- KP được giao tự chủ	171
	- KP không được giao tự chủ	172
3	**Số thu được trong năm**	173
	- KP được giao tự chủ	174
	- KP không được giao tự chủ	175
	- KP chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi	176
4	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm**	177
	- Kinh phí được giao tự chủ	178
	- Kinh phí không được giao tự chủ	179

TT	CHỈ TIÊU	MS
5	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**	180
	- Kinh phí được giao tự chủ	181
	- Kinh phí không được giao tự chủ	182
6	**Kinh phí giảm trong năm**	183
6.1	KP được giao tự chủ	184
	- Đã nộp NSNN	185
	- Còn phải nộp NSNN	186
6.2	KP không được giao tự chủ	187
	- Đã nộp NSNN	188
	- Còn phải nộp NSNN	189
6.3	KP chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi	190
	- Đã nộp NSNN	191
	- Còn phải nộp NSNN	192
7	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán**	193
	- KP được giao tự chủ	194
	- KP không được giao tự chủ	195
	- KP chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán chi	196

QUYẾT TOÁN NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

TT	CHỈ TIÊU	MS
…	…	…
	C. NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ	
1	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang**	197
	- Kinh phí được giao tự chủ	198
	- Kinh phí không được giao tự chủ	199
2	**Dự toán được giao trong năm**	200
	- Kinh phí được giao tự chủ	201
	- Kinh phí không được giao tự chủ	202
3	**Số thu được trong năm**	203
	- Kinh phí được giao tự chủ	204
	- Kinh phí không được giao tự chủ	205
4	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm**	206
	- Kinh phí được giao tự chủ	207
	- Kinh phí không được giao tự chủ	208

TT	CHỈ TIÊU	MS
5	**Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**	209
	- Kinh phí được giao tự chủ	210
	- Kinh phí không được giao tự chủ	211
6	**Kinh phí giảm trong năm**	212
	- Kinh phí được giao tự chủ	213
	- Kinh phí không được giao tự chủ	214
7	**Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán**	215
	- Kinh phí được giao tự chủ	216
	- Kinh phí không được giao tự chủ	217

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BCTC của đơn vị kế toán là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán, phản ánh toàn bộ thông tin, số liệu các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh trong năm của đơn vị kế toán

Cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng tiền từ hoạt động của đơn vị kế toán cho đối tượng có liên quan để xem xét và đưa ra các quyết định.

Là thông tin cơ sở để hợp nhất báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên và cung cấp thông tin, số liệu cho lập BCTCNN theo quy định

- Đây là hệ thống báo cáo mới, thực hiện từ khi áp dụng Thông tư 107/2017/TT-BTC, căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Kế toán 2015.
- **Thông tư 24/2024/TT-BTC có những thay đổi, cập nhật đáng kể:** (1) Khắc phục các hạn chế, đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế tài chính hiện hành; (2) Đảm bảo yêu cầu cung cấp thông tin đầu vào cho lập BCTCNN; (3) Phù hợp với chuẩn mực kế toán công và thông lệ quốc tế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin, số liệu trình bày trên báo cáo tài chính phải bao gồm **toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong phạm vi đơn vị kế toán**. Số liệu trình bày trên các chỉ tiêu của báo cáo tài chính phải phù hợp và thống nhất với số liệu đã ghi sổ kế toán các tài khoản tương ứng.

Việc bỏ sót thông tin, số liệu các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong năm không trình bày trên báo cáo tài chính được coi là hành vi để ngoài sổ kế toán

Nguyên tắc, kỹ thuật điều chỉnh thông tin, số liệu trong trường hợp BCTC đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền hoặc đã công khai; các trường hợp được điều chỉnh hồi tố, áp dụng hồi tố số liệu vào số dư đầu năm hoặc số liệu năm trước.

MẪU BIỂU BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tư số 24/2024/TT-BTC	Thông tư số 107/2017/TT-BTC
B01/BCTC- Báo cáo tình hình tài chính	B01/BCTC- Báo cáo tình hình tài chính
B02/BCTC- Báo cáo kết quả hoạt động	B02/BCTC- Báo cáo kết quả hoạt động
B03/BCTC- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B03a/BCTC- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp trực tiếp)
B04/BCTC- Thuyết minh BCTC	~~B03b/BCTC- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp)~~
B04a/BCTC- Thuyết minh chi tiết số liệu TSKCHT đơn vị được giao quản lý nhưng không trực tiếp KT, SD	B04/BCTC- Thuyết minh BCTC
B05/BCTC- Báo cáo về những thay đổi trong tài sản thuần	~~B05/BCTC- BCTC đơn giản~~

B01/BCTC - BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số liệu báo cáo năm trước (để trình bày số đầu năm)

Nếu có điều chỉnh/áp dụng hồi tố thì số đầu năm là số sau điều chỉnh/áp dụng hồi tố

Số kế toán tổng hợp và chi tiết TK loại 1 đến loại 4

Phân loại tài sản, nợ phải trả theo các nhóm chỉ tiêu ngắn hạn, dài hạn: **phân loại tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính** đối với TK còn số dư.

Bổ sung chỉ tiêu theo TK mới: dự phòng (229, 352), phải thu/nhận trước KP được cấp (135), TSHT (212, 215), …

Lược bỏ chỉ tiêu liên quan đến TK bị xóa bỏ: Tạm thu (TK 337), Các khoản nhận trước chưa ghi thu (TK 366),…

Lưu ý trường hợp số liệu dự trữ quốc gia (nếu có) (chỉ phản ánh chênh lệch TK 172, 372)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TT	CHỈ TIÊU	MS
A	B	C
	TÀI SẢN	
	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**
I	**Tiền và tương đương tiền**	**110**
II	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	121
2	Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính ngắn hạn	122
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**
1	Phải thu của khách hàng ngắn hạn	131
2	Phải thu kinh phí được cấp	132
3	Trả trước cho người bán ngắn hạn	133
4	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	134
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	135
IV	**Hàng tồn kho**	**140**
1	Hàng tồn kho	141
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142
V	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**
	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**160**
I	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**170**
1	Đầu tư tài chính dài hạn	171
2	Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	172

II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**180**
1	Phải thu của khách hàng dài hạn	181
2	Trả trước cho người bán dài hạn	182
3	Các khoản phải thu dài hạn khác	183
4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	184
III	**Tài sản cố định của đơn vị**	**190**
1	Tài sản cố định hữu hình	191
	- Nguyên giá	192
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	193
2	Tài sản cố định vô hình	194
	- …	…
IV	**Tài sản KCHT đơn vị trực tiếp khai thác, sử dụng**	200
1	Tài sản cố định hữu hình	201
	…	…
2	Tài sản cố định vô hình	204
	…	…
V	**Mua sắm, đầu tư xây dựng dở dang**	210
1	Mua sắm, nâng cấp tài sản cố định	211
2	Đầu tư, xây dựng dở dang	212
3	**Dự án, công trình đầu tư xây dựng đã bàn giao, chờ phê duyệt quyết toán**	213
VI	**Tài sản dài hạn khác**	**220**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TT	CHỈ TIÊU	MS
	NGUỒN VỐN	
	A. NỢ PHẢI TRẢ	**240**
I	**Nợ ngắn hạn**	**250**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	251
2	Các khoản nhận trước của khách hàng ngắn hạn	252
3	Các khoản nhận trước KP được cấp	253
4	Phải trả nợ vay ngắn hạn	254
5	Dự phòng phải trả ngắn hạn	255
6	Các Quỹ phải trả	256
7	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác	257
II	**Nợ dài hạn**	**260**
1	Phải trả người bán dài hạn	261
2	Các khoản nhận trước của khách hàng dài hạn	262
3	Phải trả nợ vay dài hạn	263
4	Dự phòng phải trả dài hạn	264
5	Các khoản nợ phải trả dài hạn khác	265

	B. TÀI SẢN THUẦN	280
1	Vốn góp	281
2	Thặng dư/thâm hụt lũy kế	282
3	Quỹ thuộc đơn vị	283
4	Kinh phí mang sang năm sau	284
5	Tài sản thuần khác	285

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khoản 2 Điều 14: Số dư đầu năm 2025 trên các báo cáo sau đây được áp dụng hồi tố sau khi kết chuyển số dư từ năm 2024 sang, gồm:

a) Báo cáo tình hình tài chính;

b) Thuyết minh báo cáo tài chính cho phần báo cáo tình hình tài chính.

Phụ lục VI: Hướng dẫn chuyển đổi số dư tài khoản kế toán

B02/BCTC - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Số liệu báo cáo năm trước (để trình bày số năm trước)

Nếu có áp dụng hồi tố thì số năm trước là số sau khi áp dụng hồi tố

Sổ kế toán tổng hợp và chi tiết TK loại 5 đến loại 9 và các sổ kế toán có liên quan

Phân nhóm các chỉ tiêu thành nhóm Doanh thu, Chi phí, thay vì phân loại theo từng hoạt động như Thông tư 107

Xác định thặng dư/thâm hụt theo nguyên tắc ghi nhận mới (nêu rõ **không phải là căn cứ để phân phối hoặc trích lập các quỹ**)

Chỉ tiêu điều chỉnh KQHĐ do chi phí ghi nhận năm nay nhưng doanh thu đã ghi nhận năm trước

Phân tích thặng dư/ thâm hụt trong năm (MS51, 52, 53 tại TT107 thực tế không phải là phân tích thặng dư/thâm hụt)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

TT	CHỈ TIÊU	MS
A	B	C
1	**DOANH THU**	**400**
1.1	Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp	411
1.2	Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài	412
1.3	Doanh thu từ phí được khấu trừ, để lại	413
1.4	Doanh thu tài chính	414
1.5	Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ	415
1.6	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	416
	- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu	417
	- Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ NSNN	418
1.7	Thu nhập khác	419

TK 612: CQNN, đơn vị không có HĐ SXKDDV

ĐSNCL, ĐV có HĐ SXKDDV

2	CHI PHÍ	450
2.1	Chi phí hoạt động không giao tự chủ	451
2.2	Chi phí hoạt động giao tự chủ	452
2.3	Chi phí tài chính	453
2.4	Giá vốn hàng bán	454
2.5	Chi phí bán hàng	455
2.6	Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	456
2.7	Chi phí khác	457
2.8	Chi phí tài sản bàn giao	458
3	**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**	**460**

Lưu ý số liệu chi phí bao gồm số liệu phân phối vào các quỹ phải trả, chi khen thưởng, phúc lợi, chi BSTN theo CCTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Xác định thặng dư/thâm hụt theo các nguyên tắc kế toán mới, đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý

TT	CHỈ TIÊU	MS
…	…	…
4	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**	**500**
5	**ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DO CHI PHÍ GHI NHẬN NĂM NAY NHƯNG DOANH THU ĐÃ GHI NHẬN NĂM TRƯỚC**	**510**
6	**THẶNG DƯ/THÂM HỤT TRONG NĂM**	**520**
	- Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vị	521
	- Nguồn kinh phí mang sang năm sau	522
	- Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau	525

Chênh lệch DT và CP trong năm
MS500 = MS400 - MS450 - MS460

CP phát sinh trong năm nhưng không có DT tương ứng; được bù đắp bằng nguồn lực đã tích luỹ từ DT năm trước

MS520 = MS500 + MS510

MS525 = MS520 - MS521- MS522

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu điều chỉnh KQHĐ do chi phí ghi nhận năm nay nhưng doanh thu đã ghi nhận năm trước:

Những nguồn lực tiếp nhận từ các năm trước nhưng sử dụng cho nhiều năm, hoặc tiếp nhận các năm trước nhưng chưa sử dụng mà được chuyển sang năm nay sử dụng (VD như TSCĐ, khối lượng đầu tư xây dựng hoàn thành trong năm, các nguồn kinh phí tiếp nhận được mang sang năm sau sử dụng tiếp,…).

Việc sử dụng các nguồn lực này làm phát sinh chi phí của đơn vị, nhưng trong năm không có doanh thu tương ứng mà được bù đắp từ các nguồn lực năm trước mang sang

- Bù đắp bằng nguồn quỹ thuộc đơn vị
- Bù đắp bằng các nguồn kinh phí từ năm trước mang sang
- Bù đắp bằng nguồn thặng dư không được phân phối

Chỉ tiêu điều chỉnh để phản ánh chính xác kết quả hoạt động trong năm của đơn vị

THẶNG DƯ/THÂM HỤT TRONG NĂM

Quy định rõ thặng dư không phải là căn cứ để phân phối hoặc trích lập các quỹ:

+ Do thực tế cơ chế tài chính đa dạng và liên tục thay đổi.

+ Việc xác định chênh lệch thu, chi (tiết kiệm chi) thực hiện theo các quy định của cơ chế tài chính.

+ Đơn vị phải lập sổ S90 "Bảng xác định chênh lệch thu, chi từ kinh phí được giao tự chủ"

"Thặng dư/thâm hụt trong năm"
=
"Doanh thu trong năm"
–
"Chi phí trong năm"
+
Chỉ tiêu điều chỉnh

Phân tích chi tiết

Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vị (không bao gồm các quỹ có tính chất phải trả)

Nguồn kinh phí mang sang năm sau (bao gồm nguồn kinh phí cải cách tiền lương, quỹ dự phòng tiền lương,…).

Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau.

B03/BCTC – BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các BCTC khác

BCLCTT năm trước (trình bày số năm trước)

Sổ kế toán chi tiết TK 111, 112, 113, 121 (kỳ hạn không quá 3 tháng)

Sổ KT tổng hợp, chi tiết các TK liên quan khác và tài liệu khác có liên quan

Đơn vị phải mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi các **dòng tiền thu** và **dòng tiền chi** liên quan đến **hoạt động chính**, **hoạt động đầu tư** và **hoạt động tài chính**

TT24 hướng dẫn cho các giao dịch phổ biến nhất. Trường hợp phát sinh các giao dịch chưa có hướng dẫn thì phải căn cứ vào bản chất của giao dịch để trình bày các dòng tiền một cách phù hợp

Lưu ý một số trường hợp dòng tiền có thể được báo cáo trên cơ sở thuần (thu hộ, chi hộ; bù trừ cùng đối tượng trong cùng dòng tiền)

Một giao dịch liên quan đến các dòng tiền ở nhiều hoạt động khác nhau thì phải trình bày tại các dòng tiền khác nhau (đi vay, huy động vốn mà số tiền vay được chuyển thẳng từ bên cho vay sang nhà thầu; thanh toán khoản vay (gốc và lãi))

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Bỏ mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp

- Chỉ quy định duy nhất một mẫu biểu theo phương pháp trực tiếp để thống nhất trong quá trình thực hiện, đảm bảo tính hữu ích của thông tin về lưu chuyển tiền tệ.

Bổ sung quy định về các khoản tương đương tiền

- Dòng tiền trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là dòng vào và dòng ra của tiền và tương đương tiền.

Về cơ bản kế thừa Thông tư 107, chuẩn hóa, chi tiết các nội dung đảm bảo quy định của chuẩn mực kế toán công Việt Nam, ví dụ:

- Quy định chỉ tiêu riêng về tiền chi trả lãi vay, tiền thu từ lãi, cổ tức lợi nhuận được chia
- Phân loại tiền nhận được từ kinh phí chi đầu tư là dòng tiền từ hoạt động đầu tư
- …

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

TT	Chỉ tiêu	MS
A	B	C
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**	
1	**Các khoản thu bằng tiền**	**610**
1.1	Tiền nhận từ kinh phí NSNN cấp	611
1.2	Tiền thu viện trợ nước ngoài	612
1.3	Tiền thu phí, lệ phí	613
1.4	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ	614
1.5	Tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	615
	- Tiền đơn vị trực tiếp thu	616
	- Tiền thu từ KP cung cấp dịch vụ SNC từ NSNN	617
1.6	Tiền thu nhập khác của đơn vị	618
1.7	Tiền thu khác	619
2	**Các khoản chi bằng tiền**	**620**
2.1	Tiền chi lương, tiền công và chi khác cho người lao động	621
2.2	Tiền chi trả cho bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ	622
2.3	Tiền chi trả lãi vay	623
2.4	Tiền đã nộp nhà nước	624
2.5	Tiền chi khác	625
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	**630**

II	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**	
1	Tiền nhận được từ kinh phí chi đầu tư	641
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	642
3	Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư góp vốn	643
4	Tiền thu từ lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia	644
5	Tiền chi đầu tư xây dựng, mua sắm TSCĐ	645
6	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	646
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**650**
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	
1	Tiền thu từ các khoản đơn vị đi vay	661
2	Tiền nhận góp vốn	662
3	Tiền hoàn trả gốc vay	663
4	Tiền hoàn trả vốn góp	664
5	Các khoản đã phân phối cho chủ sở hữu	665
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**670**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ**	**680**
V	**TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ**	**690**
VI	**ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ**	**695**
VII	**TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ**	**700**

B04/BCTC – THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BCTHTC, BCKQHĐ, BCLCTT

TM BCTC năm trước

Sổ kế toán tổng hợp; sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc bảng tổng hợp chi tiết có liên quan

Tình hình thực tế của đơn vị và các tài liệu liên quan

Trình bày thông tin chi tiết chưa được trình bày trên BCTHTC, BCKQHĐ, BCLCTT

Thông tin bổ sung mà các thông tin này không được trình bày trên BCTHTC, BCKQHĐ, BCLCTT nhưng cần thiết để giúp người đọc hiểu rõ hơn về các báo cáo

Trình bày một cách hệ thống theo biểu mẫu và chỉ tiêu đã quy định

Đơn vị có thể bổ sung các nội dung thuyết minh khác để làm rõ hơn các chỉ tiêu đã trình bày trên BCTHTC, BCKQHĐ, BCLCTT hoặc phục vụ yêu cầu quản lý của đơn vị và CQ có thẩm quyền

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Thông tư 107/2017/TT-BTC	Thông tư 24/2024/TT-BTC
Thông tin bổ sung cho BCTHTC	16 mục thông tin bổ sung	25 mục thông tin bổ sung
Thông tin bổ sung cho BCKQHĐ	8 mục thông tin bổ sung	21 mục thông tin bổ sung
Thông tin bổ sung cho BCLCTT	3 mục thông tin bổ sung	23 mục thông tin bổ sung
Thuyết minh chi tiết khác	5 mục thuyết minh khác	10 mục thuyết minh khác

- TM chi tiết việc tiếp nhận, phân phối và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện để thực hiện hoạt động XH,TT
- TM chi tiết về tài sản ngoài bảng
- TM sự kiện phát sinh sau
- TM SL điều chỉnh/ áp dụng hồi tố
- …

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mức độ chi tiết được quy định cụ thể hơn Thông tư 107/2017/TT-BTC

TM theo từng tài khoản tiền gửi, theo từng loại ngoại tệ nắm giữ,…

TT	Chỉ tiêu	CN	ĐN
1	Tiền mặt:		
	- Tiền Việt Nam		
	- Bằng ngoại tệ (quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá cuối kỳ) Chi tiết theo từng loại ngoại tệ theo nguyên tệ và tỷ giá quy đổi) như sau:		
	+ USD …… Tỷ giá cuối kỳ…….. + EUR …… Tỷ giá cuối kỳ…….. + …		
2	Tiền gửi tại kho bạc nhà nước (thuyết minh chi tiết đến từng tài khoản tiền gửi tại kho bạc nhà nước có mở tài khoản giao dịch):		
	a) Tiền Việt Nam		
	- Số hiệu tài khoản		
	- Số hiệu tài khoản		
	- …		
	b) Tiền gửi ngoại tệ		
	(1) Tiền gửi bằng USD		
	- Số hiệu tài khoản		
	- Nguyên tệ …… USD. Tỷ giá cuối kỳ:……		
	…		
..	…		

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mức độ chi tiết được quy định cụ thể hơn Thông tư 107/2017/TT-BTC

Nợ phải thu, phải trả quy định rõ cần thuyết minh chi tiết theo đối tượng

STT	Tên người bán	Mã người bán	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
a. Ngắn hạn					
	- Người bán ...				
	- ...				
	Tổng cộng số dư khoản phải trả cho người bán ngắn hạn				
b. Dài hạn					
	- ...				
	- ...				
	Tổng cộng số dư khoản phải trả cho người bán dài hạn				
Tổng cộng					

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mức độ chi tiết được quy định cụ thể hơn Thông tư 107/2017/TT-BTC

Bổ sung, hoàn thiện thuyết minh về TSCĐ đảm bảo yêu cầu quản lý

- TM TSCĐ phải trích KH
- TM TSCĐ đã KH, HM hết nhưng còn sử dụng
- TM TSCĐ không còn sử dụng chờ thanh lý
- TM TSCĐ sử dụng làm tài sản thế chấp (nếu có)
-…

TT	Khoản mục	Nhà, công trình XD	…	Tổng cộng
1	**Nguyên giá**			
	- Số dư đầu năm			
	- Tăng trong năm: …			
	- Giảm trong năm: …			
	- Số dư cuối năm			
2	**Giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế**			
	- Số dư đầu năm			
	- Tăng trong năm: ..			
	- Giảm trong năm: +…			
	- Số dư cuối năm			
3	**Giá trị còn lại**			
	- Tại ngày đầu năm			
	- Tại ngày cuối năm			

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mức độ chi tiết được quy định cụ thể hơn Thông tư 107/2017/TT-BTC

TM doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ chi tiết theo từng hoạt động

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN		
1.1	Dịch vụ.....		
	- Kinh phí NSNN thực hiện dịch vụ SNC		
	- Đơn vị thu từ khách hàng		
	- Đơn vị thu từ bên thứ 3		
1.2	...		
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN		
2.1	Dịch vụ.....		
2.2	…		
3	Doanh thu hoạt động SXKD khác (chi tiết):		
3.1	Hoạt động....		
3.2	Hoạt động....		
...			
Tổng cộng (=1+2+3)			

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Một số thuyết minh liên quan đến các chỉ tiêu, nội dung mới

Thuyết minh chi tiết số dư khoản thặng dư/thâm hụt lũy kế

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Thuyết minh số dư khoản thặng dư luỹ kế		
	a) Giá trị còn lại của TSCĐ: -...		
	b) Nguồn chi đầu tư đã thanh toán khối lượng hoàn thành: -...		
	c) Nguồn khác (chi tiết, nếu có): -…		
2	Thuyết minh số dư khoản thâm hụt luỹ kế (chi tiết): -…	(...)	(...)
	Tổng cộng		

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Một số thuyết minh liên quan đến các chỉ tiêu, nội dung mới

Thuyết minh chi tiết chỉ tiêu điều chỉnh kết quả hoạt động do chi phí ghi nhận năm nay nhưng doanh thu đã ghi nhận năm trước

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí trong năm được bù đắp bằng nguồn quỹ thuộc đơn vị		
2	Chi phí trong năm được bù đắp bằng nguồn kinh phí năm trước mang sang		
3	Chi phí hao mòn TSCĐ trong năm của các TSCĐ đã mua sắm từ các năm trước		
4	Chi phí tài sản bàn giao cho đơn vị khác - Chi phí bàn giao dự án, công trình hoàn thành sau đầu tư (phần khối lượng hoàn thành đã thanh toán từ năm trước) - Chi phí bàn giao tài sản cho đơn vị kế toán khác (đối với tài sản đã hình thành từ năm trước nhưng trong năm bàn giao cho đơn vị khác)		
5	Các chi phí khác phát sinh trong năm do sử dụng các nguồn lực đã được ghi nhận doanh thu từ năm trước		
	...		
	Tổng cộng		

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Một số thuyết minh liên quan đến các chỉ tiêu, nội dung mới

Thuyết minh chênh lệch thu, chi được phân phối trong năm

(Sổ S90-H)

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Kinh phí được giao tự chủ (hoặc khoán chi) trong năm:		
1.1	Dự toán (TH tính chênh lệch thu, chi theo dự toán được giao)		
	- …		
1.2	Số thu trong năm (TH tính chênh lệch thu, chi theo số thu được)		
	-…		
2	Chi hoạt động được giao tự chủ trong năm (chi tiết)	(…)	(…)
	-....	(…)	(…)
3	Số trích khấu hao tài sản cố định trong năm	(…)	(…)
4	Số trích lập nguồn cải cách tiền lương	(…)	(…)
5	Số nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định	(…)	(…)
6	Kinh phí chuyển năm sau		
	...		
7	Số chênh lệch thu, chi (tiết kiệm chi) cuối năm theo CCTC		
	Phân phối theo CCTC (trường hợp ĐV được trích lập quỹ):		
	+ Quỹ …		
	Phân phối theo CCTC (trường hợp không được trích lập quỹ):		
	+ Chi …		

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Một số thuyết minh liên quan đến các chỉ tiêu, nội dung mới

Thuyết minh chi tiết việc tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện để thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện tại đơn vị

(Sổ S81-H)

STT	Chỉ tiêu Chi tiết theo đợt vận động, theo nhà tài trợ theo tiền, hiện vật,…	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Đợt vận động……			
1.1	Tài trợ bằng tiền …			
	Số dư đầu năm			
	Số nhận trong năm			
	- Nhà tài trợ …			
	Số đã sử dụng trong năm			
	Số dư cuối năm			
1.2	Tài trợ bằng hiện vật …			
	Số dư đầu năm			
	Số nhận trong năm			
	- Nhà tài trợ …			
	Số đã sử dụng trong năm			
	Số dư cuối năm			
1.3	…			
2	Đợt vận động …			
…				

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Một số thuyết minh liên quan đến các chỉ tiêu, nội dung mới

Thuyết minh số liệu điều chỉnh hồi tố, áp dụng hồi tố vào số dư đầu kỳ trên BCTHTC năm nay

TT	Chỉ tiêu	Số liệu đã trình bày trên BCTHTC năm trước	Số điều chỉnh hồi tố	Số áp dụng hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh/áp dụng hồi tố
1	...				
2	…				
…	…				
	Tổng cộng				

TT	Chỉ tiêu	Số liệu đã trình bày trên BCKQHĐ năm trước	Số áp dụng hồi tố	Số liệu sau áp dụng hồi tố
1	...			
2	…			
…	…			
	Tổng cộng			

Thuyết minh số liệu áp dụng hồi tố vào số liệu năm trước trên BCKQHĐ năm nay

B04/BCTC - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quản lý thông tin, số liệu tài chính của đơn vị chặt chẽ hơn

Đảm bảo tính hữu ích, đầy đủ của thông tin trên báo cáo tài chính

Tăng cường minh bạch tình hình tài chính, hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước của đơn vị

Phục vụ cho điều hành, quản lý, tổng hợp số liệu của các cơ quan đơn vị, đặc biệt là cung cấp thông tin cho lập BCTCNN

Cần thiết phải thuyết minh chi tiết

Số liệu ghi sổ kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin lập báo cáo

B04a/BCTC- THUYẾT MINH CHI TIẾT SỐ LIỆU TSKCHT ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ NHƯNG KHÔNG TRỰC TIẾP KHAI THÁC, SỬ DỤNG

Đối với đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng nhưng đơn vị không trực tiếp khai thác, sử dụng phải lập thêm biểu B04a/BCTC:

Đảm bảo số liệu tài sản của đơn vị được phản ánh đầy đủ, tránh trùng lắp số liệu.

Cung cấp thông tin cho lập BCTCNN, đảm bảo số liệu TSKCHT có thể tổng hợp ngay từ báo cáo tài chính của đơn vị kế toán

Căn cứ số liệu TK 021, 022, 023, 024, 025, 029

B05/BCTC - BÁO CÁO VỀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TÀI SẢN THUẦN

Cung cấp thông tin về sự biến động chi tiết của tài sản thuần trong năm của đơn vị được trình bày chi tiết cho các chỉ tiêu thuộc tài sản thuần, bao gồm:

- Vốn góp (TK 411)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái (TK 413)
- Thặng dư/thâm hụt lũy kế (TK 421)
- Quỹ thuộc đơn vị (TK 431)
- Kinh phí mang sang năm sau (TK 468)

Thực tế không phải nội dung mới, do cũng đã có quy định trong mẫu biểu thuyết minh tại Thông tư 107/2017/TT-BTC

Thông tư 24/2024/TT-BTC đưa ra một biểu riêng để đảm bảo tuân thủ quy định của Chuẩn mực kế toán công Việt Nam và thông lệ quốc tế.

B05/BCTC- BÁO CÁO VỀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TÀI SẢN THUẦN

Mẫu số B05/BCTC

(Kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN:……
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TÀI SẢN THUẦN

Năm…

Đơn vị tính:……

STT	Chỉ tiêu	Các khoản mục thuộc tài sản thuần							
		Vốn góp	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư/thâm hụt lũy kế	Quỹ thuộc đơn vị			Kinh phí mang sang năm sau	
					Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ …	Quỹ …	Kinh phí cải cách tiền lương	Kinh phí khác mang sang năm sau
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Số dư đầu năm								
2	Tăng trong năm								
	-...								
	-...								
3	Giảm trong năm								
	-...								
	-...								
4	Số dư cuối năm								

XIN TRÂN TRỌNG
CẢM ƠN!